

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Nguyễn Thị Mỹ*

Thông tin trên báo cáo tài chính (BCTC) có ảnh hưởng lớn đến quyết định mua vào, bán ra của nhà đầu tư trên thị trường. Kiểm toán BCTC của các công ty niêm yết (CTNY) sẽ cung cấp những thông tin trung thực, tin cậy và khách quan. Tuy nhiên, thực tế kiểm toán BCTC của các CTNY do kiểm toán độc lập tiến hành hiện nay còn tồn tại một số mặt hạn chế. Do vậy, để củng cố niềm tin của các nhà đầu tư và góp phần lành mạnh hóa hệ thống thông tin tài chính trên thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam từ đó thúc đẩy thị trường vốn quan trọng này phát triển mạnh mẽ, việc hoàn thiện kiểm toán BCTC của các CTNY do kiểm toán độc lập tiến hành là vô cùng cấp thiết.

Từ khóa: công ty niêm yết, kiểm toán báo cáo tài chính, thị trường chứng khoán

1. Đặt vấn đề

Mục tiêu của Việt Nam là đến năm 2020 hội nhập hoàn toàn với quốc tế trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Trong quá trình đó, giai đoạn 2006 -2010 là giai đoạn củng cố hội nhập, tiếp tục hoàn thiện hơn nữa hệ thống pháp lý điều chỉnh hoạt động của thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán. Đến giai đoạn 2010- 2020, giai đoạn hội nhập năng động: Việt Nam sẽ hội nhập toàn diện, bình đẳng với các nước trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, chúng ta có cả nhập khẩu và xuất khẩu dịch vụ kế toán, kiểm toán. Điều này dẫn đến những khó khăn và thuận lợi cho hoạt động kế toán - kiểm toán nói chung và kiểm toán BCTC các CTNY nói riêng. Các kiểm toán viên (KTV) nước ngoài sẽ được tham gia vào hoạt động chuyên môn nghề nghiệp tại Việt Nam như các KTV trong nước. Khi đó, nếu chúng ta không tự hoàn thiện và thể hiện chất lượng cũng như uy tín nghề nghiệp thì chúng ta sẽ mất thị trường ngay trong tay mình. Tuy nhiên, nếu chúng ta biết tận dụng tốt cơ hội hội nhập, không những chúng ta không bị mất thị phần mà còn là cơ hội để học hỏi và phát triển nghề nghiệp cũng như mở rộng được thị phần ra quốc tế và khẳng định thương hiệu kiểm

toán Việt Nam.

2. Thực trạng vấn đề

Kiểm toán BCTC nói chung và kiểm toán BCTC các CTNY nói riêng hiện nay tại Việt Nam đang rất phát triển thuận lợi. Các công ty kiểm toán luôn hoàn thiện và không ngừng cải tiến về chương trình kiểm toán cũng như nâng cao chất lượng đội ngũ KTV và đã đạt được những thành tựu cụ thể như sau:

Một là, Hoạt động kiểm toán chuyên nghiệp: Các CTKT luôn nâng cao tính chuyên nghiệp trong nghề nghiệp. Các KTV được trang bị các kiến thức phù hợp (chương trình đào tạo của các CTKT, chương trình đào tạo sinh viên chuyên ngành). Các CTKT xây dựng chương trình kiểm toán bài bản và đầy đủ làm cơ sở cho việc nghiên cứu và vận hành hiệu quả công tác kiểm toán. Các CTKT Việt Nam đã, đang và sẽ trở thành thành viên của các hãng kiểm toán quốc tế hoạt động mang tính chất toàn cầu.

Hai là, Ban hành chương trình kiểm toán mẫu: Vào tháng 10/2010, Hiệp hội KTV hành nghề (VACPA) đã phối hợp với các CTKT trong khuôn khổ chương trình tài trợ của World Bank đã soạn

thảo và ban hành chương trình kiểm toán mẫu. Chương trình kiểm toán mẫu đã được chính thức áp dụng từ năm 2011 (cho năm kiểm toán 2010) tại một số CTKT Việt Nam;

Ba là, Tích cực hội nhập với hoạt động kiểm toán trên thế giới: có nhiều CTKT cử các nhân viên tham gia chương trình trao đổi nhân sự và trở thành thành viên mạng lưới kiểm toán quốc tế như A&C – BILY, AASC- HLB;

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đã đạt được, kiểm toán BCTC các CTNY trên TTCK Việt Nam vẫn tồn tại một số mặt hạn chế cần khắc phục. Qua khảo sát thực tế kiểm toán tại các CTKT và tìm hiểu hồ sơ kiểm toán (AASC, A&C, Deloitte, Ernst & Young, KPMG (2010), trong bài viết này, tác giả đi sâu phân tích những mặt hạn chế về nội dung kiểm toán, kỹ thuật kiểm toán thực hiện trong quy trình kiểm toán tại hai nhóm CTKT: nhóm CTKT BIG FOUR và nhóm CTKT còn lại.

2.1. Trong giai đoạn chuẩn bị kiểm toán

2.1.1. Đối với cả hai nhóm CTKT

Một là, Về việc khảo sát tại khách hàng trước khi ký kết hợp đồng rất sơ sài: khi tiến hành khảo sát đối với CTNY kiểm toán lần đầu (do thay đổi CTKT), các KTV không liên hệ KTV tiền nhiệm để xác định lý do thay đổi KTV, đối với khách hàng cũ gần như chấp nhận kiểm toán mà không tìm hiểu sự thay đổi trong hoạt động sản xuất kinh doanh có ảnh hưởng đến quá trình kiểm toán;

Hai là, Xác định thời gian kiểm toán còn hạn chế: do mùa kiểm toán dồn vào những thời điểm trùng nhau nên thời gian kiểm toán không được bố trí khoa học và đảm bảo an toàn, chất lượng. Các CTKT ít mạnh dạn từ chối kiểm toán khách hàng nên dẫn đến bố trí thời gian kiểm toán rất gấp rút nên rất nhiều thủ tục kiểm toán không thực hiện hoặc thực hiện sơ sài... Bên cạnh đó, việc xác định thời gian quá ít dẫn đến các KTV phải làm việc liên tục ngày đêm nên năng suất và chất lượng kiểm toán bị ảnh hưởng.

2.1.2. Đối với nhóm CTKT không thuộc nhóm BIG FOUR

Một là, Việc tiến hành lập kế hoạch kiểm toán và thiết kế chương trình kiểm toán gần như dựa vào

nguyên vẹn chương trình thiết kế sẵn mà không có những thay đổi với từng khách hàng cụ thể. Ví dụ, liên quan đến đánh giá trọng yếu và xác định rủi ro kiểm toán: đối với các CTNY thường đòi hỏi tính trọng yếu rất cao (mức rủi ro kiểm toán phải rất thấp) so với các khách hàng thông thường do: số lượng và chất lượng của người quan tâm đến thông tin BCTC đã được kiểm toán, sự ảnh hưởng của kết quả BCTC sau kiểm toán đến tính hình hoạt động của CTNY;

Hai là, Việc lựa chọn đội ngũ nhân viên: kinh nghiệm về ngành nghề của KTV chưa được chú ý, năng lực KTV chưa thật sự được ưu tiên, thay đổi KTV trong quá trình kiểm toán giữa các năm,... dẫn đến chất lượng kiểm toán bị ảnh hưởng. CTKT còn chú trọng vào mục tiêu doanh thu – lợi nhuận dẫn đến không từ chối hợp đồng kiểm toán khi nhân sự thời điểm kiểm toán không tốt nhất, KTV phải áp lực tiến hành cuộc kiểm toán quá sức dẫn đến hiệu quả và chất lượng không cao, rủi ro lớn.

2.2. Trong giai đoạn thực hiện kiểm toán

Một số thủ tục kiểm toán đối với các kỹ thuật như kỹ thuật kiểm kê, gửi thư xác nhận và kỹ thuật chọn mẫu chưa được thực hiện đầy đủ và đúng đắn.

2.2.1. Đối với cả hai nhóm CTKT

Một là, đối với kỹ thuật kiểm kê: Đối với các CTNY, UBCK yêu cầu hợp đồng kiểm toán được ký kết trước khi năm tài chính kết thúc, như vậy, các KTV sẽ tiến hành chứng kiến kiểm kê và trực tiếp kiểm kê tại khách hàng. Tuy nhiên, thủ tục này được thực hiện chưa đầy đủ: chứng kiến kiểm kê là việc đánh giá HTKSNB trong kiểm kê có hiệu lực hay không, nhưng ít thấy có bằng chứng đánh giá nội dung này. Tiếp đến KTV tiến hành kiểm kê chọn mẫu nhưng cũng rất ít tiến hành độc lập với CTNY. Thường KTV sử dụng kết quả kiểm kê của CTNY.

Hai là, kỹ thuật gửi thư xác nhận: Việc gửi thư xác nhận cũng đã được KTV chú trọng đối với kiểm toán BCTC các CTNY. Tuy nhiên, việc gửi và nhận thư còn nhiều bất cập: KTV thường chỉ gửi 1 lần (không gửi lại lần 2,3 nếu lần 1 không nhận được thư) mà tìm kiếm những bằng chứng thay thế khác như xem xét thư xác nhận của CTNY gửi các khách hàng, kiểm tra các lần thanh toán liền kề... Ngoài ra, việc lựa chọn dạng thư xác nhận cũng chưa

phong phú: thư xác nhận dạng mở, thư xác nhận dạng đóng (dạng khẳng định, dạng phủ định).

Ba là, thủ tục kiểm toán đối với số dư đầu năm của BCTC trong trường hợp CTKT khác kiểm toán năm trước: thường các thủ tục kiểm toán tiến hành rất sơ sài, dẫn đến đa phần các trường hợp là chấp nhận số liệu của đơn vị, dẫn tới có những sai phạm từ những năm trước nhưng kéo dài qua nhiều năm bị ảnh hưởng.

2.2.2. Đối với CTKT thuộc nhóm BIG FOUR:

Việc áp dụng kỹ thuật chọn mẫu: KPMG áp dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên theo đơn vị tiền tệ và sử dụng phần mềm chọn mẫu MUS hoặc đối với DELOITTE Việt Nam lựa chọn theo phần mềm AS 2. Tuy nhiên, việc chọn mẫu theo phần mềm trên thường chiếm rất nhiều thời gian nên các KTV ít khi kết hợp vận dụng chọn mẫu phi xác suất để gia tăng tính đại diện cho mẫu chọn.

2.2.3. Đối với CTKT không thuộc nhóm BIG FOUR

Một là, việc áp dụng kỹ thuật chọn mẫu: Việc chọn mẫu chủ yếu dựa vào cách thức chọn mẫu phi xác suất (theo nhóm hoặc theo nhận định nghề nghiệp của từng KTV) dẫn tới sự khách quan của mẫu không đảm bảo. Điều này có thể ảnh hưởng đến chất lượng bằng chứng kiểm toán;

Hai là, Kiểm soát chất lượng trong quá trình kiểm toán: trách nhiệm của KTV trưởng nhóm đối với các thành viên chưa thật sự sát sao và cụ thể dễ gây ra nhưng sai sót mà khi lên BCKT vẫn chưa phát hiện.

2.3. Trong giai đoạn kết thúc kiểm toán, đối với cả hai nhóm CTKT

Một là, thủ tục kiểm toán về đánh giá sự hoạt động liên tục của CTNY: điển hình việc kiểm toán BCTC của công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết, Công ty Dược Viễn Đông đã thể hiện sự hạn chế trong việc tiến hành thủ tục kiểm toán để đánh giá hoạt động liên tục của CTNY để làm cơ sở cho việc đưa ra BCKT hợp pháp.

Hai là, về báo cáo kiểm toán: các dạng ý kiến KTV cũng là vấn đề cần xem xét. Theo yêu cầu của UBCK, nếu KTV đưa ra ý kiến ngoại trừ thì phải giải trình. Trong nhiều trường hợp, các KTV lợi

dụng khe hở để vận dụng về ý kiến ngoại trừ không đúng đắn gây ra nhưng thiệt hại cho những người đầu tư. Việc đưa ý kiến chủ yếu đứng trên lợi ích của cổ đông lớn mà không quan tâm đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

3. Giải pháp hoàn thiện

Từ nghiên cứu về thực trạng kiểm toán BCTC các CTNY trên TTCK Việt Nam và đưa ra các đánh giá về những mặt đạt được cũng nhưng những hạn chế còn tồn tại, tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện kiểm toán báo cáo tài chính của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, qua đó nâng cao chất lượng thông tin cung cấp trên TTCK.

Quy trình kiểm toán BCTC của các CTNY bao gồm ba bước cơ bản: chuẩn bị kiểm toán, thực hiện kiểm toán và kết thúc kiểm toán. Để hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động kiểm toán BCTC nói chung và BCTC của các CTNY nói riêng, việc đầu tiên được xem xét và đánh giá cũng như hoàn thiện đó là quy trình kiểm toán. Đây được xem là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động kiểm toán BCTC của các CTNY. Việc nâng cao chất lượng thực hiện qui trình kiểm toán BCTC các CTNY cần được tiến hành đồng bộ trên cả ba giai đoạn cuộc kiểm toán

3.1. Đối với giai đoạn chuẩn bị kiểm toán

Một là, bước đánh giá khả năng chấp nhận kiểm toán: Cần tiến hành khảo sát về tình hình của khách hàng khi chấp nhận kiểm toán. Nếu là khách hàng đã từng kiểm toán bởi CTKT khác, KTV liên hệ KTV tiền nhiệm để thu thập các thông tin chủ yếu về khách hàng để xem xét lý do thay đổi KTV có ảnh hưởng đến khả năng chấp nhận kiểm toán;

Hai là, cần bố trí thời gian hợp lý giữa các cuộc kiểm toán với tiêu chí quan trọng nhất đó là chất lượng kiểm toán. Ngoài ra, cần xem xét việc bố trí nhân sự kiểm toán trong cuộc kiểm toán các CTNY cần phải chú trọng đến sự hiểu biết, kinh nghiệm về kiểm toán ngành nghề, lĩnh vực hoạt động của CTNY nhằm nâng cao hiệu quả công việc và hạn chế rủi ro kiểm toán;

Ba là, khi thiết kế chương kiểm toán cụ thể cho từng cuộc kiểm toán BCTC các CTNY, các CTKT cần phải chủ động, linh hoạt và sáng tạo khi thiết kế

các thủ tục kiểm toán cụ thể gắn chặt chẽ với đặc điểm hoạt động và những rủi ro kinh doanh của các CTNY (O.Ray Whittington, Kurt Pany, 2004).

3.2. Đối với giai đoạn thực hiện kiểm toán

Việc hoàn thiện việc vận dụng các kỹ thuật và thủ tục kiểm toán trong quá trình thực hiện kiểm toán góp phần nâng cao chất lượng bằng chứng kiểm toán trong kiểm toán BCTC các CTNY.

3.2.1. Hoàn thiện việc vận dụng kỹ thuật kiểm kê

Theo qui định hiện hành, các CTNY phải ký hợp đồng kiểm toán với các CTKT trong quý 4 của năm tài chính trước. Như vậy, trong hợp đồng kiểm toán, CTKT sẽ yêu cầu được tham gia, chứng kiến kiểm kê cùng CTNY.

3.2.2. Vận dụng kỹ thuật gửi thư xác nhận

KTV đánh giá tính hợp pháp của quá trình gửi thư xác nhận của CTNY, kiểm tra tính trung thực của hoạt động này và tiến hành chọn mẫu một số thông tin điển hình để gửi thư xác nhận. Nếu thông tin trên là ảnh hưởng trọng yếu mà gửi thư xác nhận lần 1 không thành công, KTV phải tiến hành gửi thư lần 2, 3 và kết hợp với việc tiến hành các thủ tục kiểm toán bổ sung.

3.2.3. Vận dụng kỹ thuật chọn mẫu kiểm toán

Các KTV cần phải kết hợp các cách thức chọn mẫu khác nhau để đảm bảo mẫu đại diện cho tổng thể. Thực tế cho thấy nhiều CTKT tiến hành thực hiện chọn mẫu phi xác suất (không ngẫu nhiên) trong quá trình kiểm toán BCTC các CTNY. KTV và CTKT cần tiến hành kết hợp chọn mẫu ngẫu nhiên và chọn mẫu phi xác suất để đại diện của mẫu cao hơn. Các công ty nên xây dựng phần mềm phù hợp với trình độ KTV, hoàn cảnh nền kinh tế, môi trường của Việt Nam (Deloitte Touch Tohmatsu International, 2005).

3.2.4. Việc kiểm toán số dư đầu năm cần thực hiện nghiêm túc và đúng đắn

Đối với CTNY đã được kiểm toán bởi các CTKT khác trước đó, KTV cần liên hệ với KTV tiền nhiệm và tham khảo ý kiến của họ về kết quả kiểm toán năm trước (qua đó đánh giá tính trung thực và hợp lý của số dư đầu kỳ). Đối với BCTC các CTNY năm trước đã được kiểm toán bởi chính CTKT hiện tại, KTV cần xem xét hồ sơ kiểm toán năm trước để kết

luận về sự phù hợp của số dư đầu kỳ.

3.2.5. Cần tăng cường kiểm soát chất lượng kiểm toán trong cuộc kiểm toán

Việc kiểm soát này liên quan đến các cấp kiểm soát khác nhau trong CTKT: cấp kiểm soát của KTV trưởng nhóm, cấp kiểm soát của bộ phận kiểm soát độc lập. Ngoài ra, việc kiểm soát về thực hiện thủ tục kiểm toán, về giấy tờ làm việc của các trợ lý KTV nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán tốt nhất (ACCA, 1999).

3.3. Đối với giai đoạn kết thúc kiểm toán

Một là, về thủ tục kiểm toán đánh giá khả năng hoạt động liên tục của khách hàng: Đối với các nhà đầu tư và các cổ đông, việc xem xét và nhận định về khả năng hoạt động liên tục của khách hàng là điều vô cùng cần thiết vì giúp cho họ có thể bảo toàn và phát triển vốn của mình hay không. Các vụ việc như Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết và gần đây nhất là sự phá sản của Công ty Cổ phần Dược Viễn Đông là những bài học vô cùng đắt giá về việc xem xét về khả năng hoạt động liên tục trong tương lai gần của CTNY. Tất nhiên, các thủ tục kiểm toán sẽ chỉ giúp cho KTV những nhận định tin cậy và khách quan về sự hoạt động liên tục trong tương lai gần cho hoạt động của DN chứ không phải là sự bảo đảm cho sự hoạt động liên tục của CTNY với thị trường (Nguyễn Quang Quỳnh, Ngô Trí Tuệ, 2012).

Hai là, về việc trình bày ý kiến kiểm toán nói riêng và toàn bộ báo cáo kiểm toán nói chung: Theo qui định hiện hành, ý kiến KTV về BCTC các CTNY được đưa ra 04 dạng ý kiến. Tuy nhiên, ranh giới giữa ý kiến ngoại trừ, ý kiến từ chối và ý kiến trái ngược chỉ khác nhau ở cụm từ “liên quan đến một số lượng lớn các khoản mục”. Hiện nay, trên thế giới cũng như ở Việt Nam, không có văn bản nào hướng dẫn việc xác định ranh giới trên cụ thể như thế nào thông qua các tiêu chuẩn định lượng, định tính rõ ràng hơn. Trong Điều 48 – Khoản 1 và Khoản 2 Luật Kiểm toán Độc lập cũng đã nêu “*Căn cứ vào kết quả kiểm toán, KTV hành nghề và DN kiểm toán phải đưa ra ý kiến về BCTC và các nội dung khác đã được kiểm toán theo quy định của chuẩn mực kiểm toán. Bộ Tài chính quy định nội dung không được ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán phù hợp với chuẩn mực kiểm toán*” (Quốc hội,

2011). Điều này hoàn toàn phụ thuộc vào xét đoán nghề nghiệp của KTV mà yếu tố này bị tác động rất lớn từ đạo đức nghề nghiệp quyết định.

Như vậy, các KTV và CTKT cần nâng cao trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong việc xét đoán để đưa ra ý kiến kiểm toán dạng ngoại trừ tránh “cái bẫy” tạo ra cho những người quan tâm đến thông tin BCTC các CTNY. Đồng thời các cơ quan quản lý như Ủy ban Chứng khoán và Bộ Tài chính cần sớm đưa ra văn bản hướng dẫn cụ thể trong lĩnh vực kiểm toán nói chung và kiểm toán BCTC các CTNY nói riêng về ý kiến ngoại trừ. Ví dụ, có thể hướng dẫn một số những yếu tố định lượng và định tính trong xác định những sai phạm trọng yếu và “*liên quan đến một số lượng lớn các khoản mục*”.

Bên cạnh đó, Phụ lục kiểm toán cần được sử dụng hữu hiệu hơn đối với công tác kiểm toán BCTC các CTNY. Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam (Bộ Tài chính, 2013) có nêu:

“Trong một số trường hợp thấy cần thiết phải bổ sung thêm thông tin về kết quả của cuộc kiểm toán đã được trình bày trên báo cáo kiểm toán, KTV được phép lập thêm phần Phụ lục đính kèm báo cáo kiểm toán, như: Phần trình bày rõ thêm các thông tin về yếu tố ngoại trừ, bảng tính số liệu chi tiết, các kiến nghị của KTV.”

3.4. Hoàn thiện việc kiểm soát chất lượng cuộc kiểm toán và xây dựng văn hóa doanh nghiệp của công ty kiểm toán

3.4.1. Tăng cường sự kiểm soát chất lượng từng cuộc kiểm toán

Đối với hoạt động kiểm toán mang tính chuyên nghiệp và hội nhập, CTKT cần nghiêm túc thực hiện việc KSNB về quá trình kiểm toán tại Công ty mình nhằm nâng cao giá trị thương hiệu và chất lượng kiểm toán. Tuy nhiên, phần lớn các cuộc kiểm soát này được thực hiện sau khi cuộc kiểm toán đã tiến hành xong và chỉ có tác dụng cho tương lai. Do đó, đối với CTKT này cần tổ chức chọn mẫu KSNB ngay trong quá trình tiến hành kiểm toán bởi bộ phận kiểm soát độc lập hoặc chuyên gia nước ngoài. Đối với nhóm công ty chưa có bộ phận kiểm soát độc lập thì cần tổ chức bộ phận kiểm soát độc lập tại công ty và tiến hành kiểm soát cả trong quá trình kiểm toán và sau cuộc kiểm toán để tăng cường chất

lượng kiểm toán (Alvin A.Arens, James K.Loebbecke, W. Morley Lemon, Ingrid B. Spletstoesser, 2003);

3.4.2. Tạo thương hiệu và văn hóa DN đối với các CTKT Việt Nam trong quá trình hội nhập

Trong quá trình hội nhập, CTKT Việt Nam cần giữ được thị trường nội địa và vươn ra tầm khu vực. Điều này ảnh hưởng rất lớn từ việc CTKT có cố gắng tạo ra uy tín và thương hiệu riêng cho mình qua bản sắc văn hóa riêng. Các CTKT cần tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp cho các KTV như là tổ chức hoạt động đào tạo KTV về năng lực chuyên môn, cung cấp kịp thời thông tin hữu ích cho hoạt động nghề nghiệp cho KTV.

3.5. Nâng cao chất lượng kiểm toán viên đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế

3.5.1. Nâng cao năng lực chuyên môn và sự thận trọng nghề nghiệp của KTV là một yếu tố đặc thù đối với lĩnh vực kiểm toán

Năng lực chuyên môn và thận trọng là một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc hạn chế và kiểm soát rủi ro, đảm bảo và nâng cao chất lượng của cuộc kiểm toán. KTV với tư cách vừa là một “quan tòa” vừa là một “người cố vấn” [Nguyễn Quang Quỳnh, Nguyễn Thị Phương Hoa (2008)] cho doanh nghiệp nên ý kiến của KTV có quan hệ và ảnh hưởng trực tiếp đến những quyết định tài chính. Đồng thời, KTV cần đảm bảo sự thận trọng nghề nghiệp thích đáng.

3.5.2. Nâng cao tính độc lập kiểm toán trong thực hiện kiểm toán

Độc lập là nguyên tắc hành nghề và cũng là tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp không thể thiếu được trong nghề kiểm toán. Nhưng đây lại là điểm yếu của ngành kiểm toán Việt Nam. Tính độc lập của KTV được xét trên hai khía cạnh: Độc lập về mặt hình thức, bao gồm độc lập về lợi ích kinh tế và độc lập về mặt quan hệ xã hội, quan hệ huyết thống; Độc lập về mặt tinh thần. □

Tài liệu tham khảo:

- AASC, A&C, Deloitte, Ernst & Young, KPMG (2010), *Hồ sơ kiểm toán, các văn bản đào tạo nội bộ*.
- Bộ Tài chính (2013), *37 chuẩn mực kiểm toán*, NXB Tài chính, Hà Nội.
- Quốc hội (2011), *Luật Kiểm toán độc lập*.
- Nguyễn Quang Quynh, Nguyễn Thị Phương Hoa (2008), *Giáo trình Lý thuyết Kiểm toán*, NXB Tài chính, Hà Nội.
- Nguyễn Quang Quynh, Ngô Trí Tuệ (2012), *Giáo trình Kiểm toán tài chính*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
- ACCA (1999), *The Audit Framework*, BPP Publishing.
- Alvin A.Arens, James K.Loebbecke,W. Morley Lemon, Ingrid B. Spletstoesser (2003), *Auditing and other Assurance services*, Prenntice Hall Publishing.
- Deloitte Touch Tohmatsu International (2005), *Audit System/2, the Audit Approach*.
- O.Ray Whittington, Kurt Pany (2004), *Principles of Auditing and other Assurance services*, McGraw- Hil/Irwin Publishing

Improving the audit of financial statements of listed firms in the Vietnam Stock Market

Abstract:

Among the information provided on the stock market, accounting information is offered in the form of financial statements (FS) which supply information and particularly play an important role: they have a great influence on the relationship between supply and demand of securities, are the motivation for the investors' decision to buy or sell on the market after analyzing published financial statements. One of the factors contributing to investors' trust in published information of listed companies is financial auditing activities of these companies. However, the actual audited financial statements of listed companies by the independent audit conducted now exist a number of drawbacks. Therefore, to strengthen the confidence of investors and contribute a healthy financial system information on Vietnam's stock market from which to promote this important capital market flourished, improving the audit of financial statements of listed firms in the Vietnam Stock Market is extremely urgent.

Thông tin tác giả:

***Nguyễn Thị Mỹ**, tiến sĩ

- Nơi công tác: Viện Kế toán, Kiểm toán – Đại học Kinh tế quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán

- Một số tạp chí đã đăng báo của tác giả: Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Tạp chí Nghiên cứu Khoa học kiểm toán, Tạp chí Thương mại

Email: mynt1975@gmail.com